TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ X** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 113/2022/DS-ST Ngày: 16 - 8 - 2022 V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn;

2. Ông Nguyễn Tấn Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 251/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1985;

Cư trú: Số 10 đường số 2 L, khóm K 7, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Bích L, sinh năm 1987;

Cư trú: Số 224/3A đường V, khóm Q, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà T có mặt, bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Từ năm 2019 đến 2020, bà Nguyễn Thị Thùy T làm chủ sáu dây hụi, mỗi dây hụi góp 2.000.000 đồng, khui vào ngày 01 dương lịch hàng tháng. Dây hụi ít nhất thì có 12 người tham gia, dây hụi nhiều nhất thì có 36 người tham gia. Bà Trần Thị Bích L tham gia cả 05 dây hụi với 06 phần hụi, trong đó có 01 dây hụi bà L tham gia hai phần, 04 dây hụi bà L tham gia 01 phần; và bà L đã hốt hết tất cả 05 dây hụi. Mỗi dây hụi sau khi hốt, bà T đều giao đủ số tiền hốt hụi cho bà L. Đến tháng 11 năm 2020, sau khi hốt dây hụi 36 phần (bắt đầu ngày 01 tháng 8 năm 2018) được 65.900.000 đồng thì bà L bỏ trốn, không đóng hụi nữa. Bà T có liên lạc để bà L đến lấy tiền hụi thì bà L nói với bà T để 65.900.000 đồng đó đóng tiền hụi dần cho bà L. Vì vậy, bà T đã sử dụng 65.900.000 đồng này đóng hụi chết của 05 dây hụi cho bà L, nhưng khi đóng hết số tiền này là tháng 03 năm 2021, bà T yêu cầu bà L đóng tiếp thì bà L trốn đi, bà T không liên lạc được nữa. Nay số tiền hụi bà L đã đóng và còn nợ của từng dây hụi là:

- Dây hụi thứ nhất: Bắt đầu ngày 01 tháng 7 năm 2020 và kết thúc ngày 01 tháng 6 năm 2021, số hụi viên là 12. Bà L hốt vào kỳ 01 hồi tháng 7 năm 2020; số tiền hốt là 18.400.000 đồng (11 kỳ x 1.700.000 đồng - 300.000 đồng chầu chủ hụi); số tiền bà L còn phải đóng lại là 6.000.000 đồng (3 kỳ x 2.000.000 đồng).

- Dây hụi thứ hai: Bắt đầu ngày 01 tháng 8 năm 2018 và kết thúc ngày 01 tháng 7 năm 2021, số hụi viên là 36. Bà L hốt vào kỳ 28 hồi tháng 11 năm 2020; số tiền hốt là 65.900.000 đồng, gồm (27 kỳ x 2.000.000 đồng) + (8 kỳ x 1.550.000 đồng) - 500.000 đồng chầu chủ hụi; số tiền bà L còn phải đóng lại là 8.000.000 đồng (4 kỳ x 2.000.000 đồng).

- Dây hụi thứ ba: Bắt đầu ngày 01 tháng 11 năm 2019 và kết thúc ngày 01 tháng 10 năm 2021, số hụi viên là 24. Bà L hốt vào kỳ 7 hồi tháng 05 năm 2020; số tiền hốt là 41.350.000 đồng, gồm (6 kỳ x 2.000.000 đồng) + (17 kỳ x 1.750.000 đồng) - 400.000 đồng chầu chủ hụi; số tiền bà L còn phải đóng lại là 14.000.000 đồng (7 kỳ x 2.000.000 đồng).

- Dây hụi thứ tư: Bắt đầu ngày 01 tháng 11 năm 2019 và kết thúc ngày 01 tháng 10 năm 2021, số hụi viên là 24. Bà L hốt vào kỳ 8 hồi tháng 06 năm 2020; số tiền hốt là 40.480.000 đồng, gồm (7 kỳ x 2.000.000 đồng) + (16 kỳ x 1.680.000 đồng) - 400.000 đồng chầu chủ hụi; số tiền bà L còn phải đóng lại là 14.000.000 đồng (7 kỳ x 2.000.000 đồng).

Dây hụi thứ ba và dây hụi thứ 4 là cùng một dây hụi mở ngày 01 tháng 11 năm 2019 và kết thúc ngày 01 tháng 10 năm 2021, nhưng do bà L tham gia với hai đầu hụi, nên bà T liệt kê thành 02 dây hụi.

- Dây hụi thứ năm: Bắt đầu ngày 01 tháng 07 năm 2020 và kết thúc ngày 01 tháng 12 năm 2021, số hụi viên là 18. Bà L hốt vào kỳ 3 hồi tháng 09 năm 2020; số tiền hốt là 27.150.000 đồng, gồm (2 kỳ x 2.000.000 đồng) + (15 kỳ x 1.570.000

đồng) - 400.000 đồng chầu chủ hụi; số tiền bà L còn phải đóng lại là 18.000.000 đồng (9 kỳ x 2.000.000 đồng).

- Dây hụi thứ sáu: Bắt đầu ngày 01 tháng 07 năm 2020 và kết thúc ngày 01 tháng 06 năm 2023, số hụi viên là 36. Bà L hốt vào kỳ 3 hồi tháng 09 năm 2020; số tiền hốt là 45.540.000 đồng, gồm (2 kỳ x 2.000.000 đồng) + (33 kỳ x 1.280.000 đồng) - 700.000 đồng chầu chủ hụi; số tiền bà L còn phải đóng lại là 54.000.000 đồng (27 kỳ x 2.000.000 đồng).

Nay bà T xác định bà yêu cầu bà L phải trả số tiền nợ hụi cho cả 06 dây hụi là 110.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ hụi nữa.

Bị đơn bà Trần Thị Bích L: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bà L vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ, ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã chứng minh bà L có tham gia các dây hụi do bà T là chủ hụi. Sau khi hốt hụi, bà T tiếp tục đóng hụi được một thời gian thì ngừng đóng là vi phạm nghĩa vụ của hụi viên. Đối với dây hụi 0236 - 36 phần, bắt đầu ngày 01 tháng 7 năm 2020, bà T xác định bà L là người hốt hụi ở lần thứ 3, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu liệt kê số tiền hốt hụi, khấu trừ tiền hốt hụi và tài liệu về việc chuyển khoản tiền hốt hụi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền đóng hụi còn nợ. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố X. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: Theo kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố X thì bà Trần Thị Bích L hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 224/3A đường V, khóm Q, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang như nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bà L tại địa chỉ này là đúng quy định pháp luật. Bà Trần Thị Bích L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét thấy, căn cứ vào các sổ hụi do bà T cung cấp, lời khai của những người làm chứng đã chứng minh giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch dân sự dưới hình thức hợp đồng góp hụi có hưởng huê hồng (phí hụi) và tiền lãi. Hiện nay các dây hụi mà bị đơn tham gia do nguyên đơn làm chủ hụi, bị đơn đã hốt hụi nhưng không đóng hụi chết cho nguyên đơn, nguyên đơn phải đóng thay cho bị đơn gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi là 110.000.000 đồng đối với 05 dây hụi (bị đơn tham gia 06 phần). Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ về tranh chấp giữa các bên, không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc trả tiền nợ hụi là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Đối với dây hụi 0236 - 36 phần, bắt đầu ngày 01 tháng 7 năm 2020; bà T và người làm chứng là bà Lê Thị Ngọc D1 (hụi viên) đều xác định bà L hốt hụi vào lần thứ 3 ngày 01 tháng 9 năm 2020. Khi này, bà L đã hốt hụi chung với bà Cao Thị Mười M1 (hụi viên) với số tiền hốt hụi là 45.740.000 đồng. Lời khai của bà T và người làm chứng phù hợp với tài liệu về số tiền hốt hụi, khấu trừ tiền hụi, chuyển khoản tiền hụi của các dây hụi mà bà T cung cấp. Sau đó, bà L vẫn tiếp tục đóng "hụi chết" cho bà T mỗi tháng 2.000.000 đồng. Đến tháng 11 năm 2020, bà T vẫn sử dụng số tiền bà L nhận được khi hốt hụi (nhưng chưa giao) để đóng các phần hụi thay cho bà L trong đó có cả phần hụi thuộc dây hụi 0236 - 36 phần. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định bà L là người hốt hụi lần thứ 3 của dây hụi 0236 - 36 phần, sau khi hốt hụi, bà L đã vi phạm nghĩa vụ của hụi viên. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc trả nợ hụi đối với dây hụi này là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Đối với vấn đề lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên bị đơn không phải chịu lãi đối với số tiền nợ hụi chưa trả.

[3.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ hụi là 110.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà T không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Bà L phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 16, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thuỳ T đối với bà Trần Thị Bích L về hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Trần Thị Bích L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thuỳ T số tiền tổng cộng là: 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Bích L phải chịu án phí 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Thuỳ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.829.000 đồng (hai triệu tám trăm hai mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000596 ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND t. AN Giang (1);
- VKSND tp. X (2);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Các đương sự (2);
- Văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thùy Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Tấn Hậu	**Đặng Hữu Tấn**	**Nguyễn Thùy Giang**